

Số: /GPMT-UBND

Bến Tre, ngày tháng 11 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số CV-BTE-1022/GO ngày 18 tháng 10 năm 2022 và Văn bản số 160123/GO-BT ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Chi nhánh Công ty Cổ phần bất động sản Việt Nhật tại Bến Tre về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường và hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Trung tâm thương mại - siêu thị và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4245/TTr-STNMT ngày 25 tháng 9 năm 2023 và Biên bản số 51/BB-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Chi nhánh Công ty Cổ phần bất động sản Việt Nhật tại Bến Tre (thuê đất và tài sản trên đất từ Công ty TNHH MTV Trung tâm thương mại triển lãm và hội nghị Quốc tế - Việt Nam) tại địa chỉ đường Võ Nguyên Giáp, ấp 1, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Trung tâm thương mại - siêu thị, địa chỉ tại đường Võ Nguyên Giáp, ấp 1, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư:**

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm thương mại - siêu thị.

1.2. Địa điểm hoạt động: Đường Võ Nguyên Giáp, ấp 1, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 0102853832-020, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 6 năm 2020; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4307374936 chứng nhận lần đầu ngày 04 tháng 5 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 0102853832-020.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm thương mại - siêu thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Tổng diện tích sử dụng đất là 34.923,7 m<sup>2</sup>.

- Nguyên vật liệu:

+ Nhu cầu nguồn nguyên liệu phục vụ cho hoạt động thương mại bán lẻ là khoảng 40.000 mặt hàng với chủng loại phong phú từ thực phẩm khô, thực phẩm tươi sống,... đến hàng vải sợi, điện máy, gia dụng.

+ Bao bì phục vụ cho quá trình mua sắm ước tính khoảng 5 - 10 kg/ngày.

+ Nguyên, vật liệu cho hoạt động y tế (tiêm ngừa): bông băng, que gòn, bơm tiêm, kim tiêm, giỏ lọ vacxin.

- Nhiên liệu:

+ Các hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải, hóa chất xử lý nước tù trong hệ thống Chiller và Colling tower (hệ thống điều hòa cung cấp nhiệt cho hoạt động của cơ sở), hóa chất sử dụng Chlorine khoảng 50 kg/tháng.

+ Khí gas phục vụ khu vực ẩm thực được tính như sau: trong cơ sở có 6 cửa hàng ẩm thực, và 1 khu ăn uống trong siêu thị mỗi cửa hàng có nhu cầu sử dụng gas khoảng 200 kg/tháng. Như vậy lượng gas phục vụ cho khu vực ẩm thực là 1,4 tấn gas/tháng.

- Số lượng nhân viên hiện hữu của cơ sở là 170 người.

- Hạng mục công trình đã xây dựng theo báo cáo ĐTM năm 2015:

STT	Hạng mục	Diện tích
I	Phần xây dựng	35.824
1	Khu trung tâm thương mại	12.600
	Tầng trệt	11.580
	Lầu 1	9.474
2	Kiot	6.624
3	Nhà kho	2.000
4	Hệ thống xử lý nước thải	500
5	Hệ thống cấp nước	140

6	Hệ thống đường nội bộ	13.460
7	Cây xanh	500
II	Hành lang giao thông	904,9

- Hạng mục công trình đã xây dựng theo báo cáo ĐTM năm 2020:

STT	Hạng mục	Ghi chú
1	Thi công làm mới lại hệ thống xử lý nước thải (150 m <sup>3</sup> /ngày)	Hạng mục xây mới
2	Tháo dỡ cầu kiện cũ và thi công thêm kết cấu phần thân	Hạng mục sửa chữa
3	Công tác hoàn thiện bổ sung	Hạng mục sửa chữa
4	Lắp đặt thêm máy phát điện 500 kVA	Hạng mục xây mới
5	Lắp đặt nhà để xe	Hạng mục xây mới
6	Lắp đặt trụ quảng cáo cao 40m	Hạng mục xây mới
7	Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp thoát nước, thiết bị vệ sinh và hệ thống XLNT Hệ thống cấp & lọc nước Hệ thống thoát nước mưa Hệ thống thiết bị vệ sinh Hệ thống XLNT (thiết bị)	Hạng mục sửa chữa

- Sản phẩm chính của cơ sở:

Hoạt động của cơ sở bao gồm: siêu thị và nhà hàng, khu vui chơi trẻ em, rạp chiếu phim, khu điện máy... Hoạt động của cơ sở sẽ tạo điểm mua sắm lý tưởng, một không gian mua sắm, vui chơi giải trí hoàn hảo cho người tiêu dùng Bến Tre và các vùng phụ cận cụ thể:

+ Tại đây được triển khai các mô hình bán hàng mới, hiện đại như quầy điện máy, quầy bánh mì B-Bread, quầy Sushi,... còn có các khu làm đẹp và chăm sóc sức khỏe; khu bán hàng trang sức và phụ kiện; khu thời trang với các thương hiệu nổi tiếng; khu đồ gia dụng cung cấp đầy đủ sản nên một thế giới tiêu dùng phong phú và đa dạng.

+ Dịch vụ cho thuê gian hàng tiện ích trong nhà và đồ chơi trẻ em; khu ẩm thực gồm nhà hàng, thức ăn nhanh và cà phê... với sự góp mặt của một số thương hiệu như KFC, Lotteria, Tous Les Jours, Trung Nguyên Coffee, Sam Sung, The Blues, Uicol, John Henry, Aino Sofia, PNJ, Sk Time, Global

WTCH, Starbucks, King BBQ, HotPot sẽ tạo hàng, Kiot,... trong siêu thị.

+ Ngoài ra cơ sở bổ sung thêm hoạt động y tế (tiêm ngừa).

**2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Công ty Cổ phần bất động sản Việt Nhật tại Bến Tre

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Công ty Cổ phần bất động sản Việt Nhật tại Bến Tre có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải và báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm về cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi; chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi thải nước thải, tiếng ồn, độ rung; thu gom, hợp đồng xử lý rác thải không đạt yêu cầu, phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường về cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo định kỳ hàng năm (trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo); thực hiện đóng phí bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 05 năm kể từ ngày ban hành Giấy phép này.

Kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành, các văn bản sau hết hiệu lực thi hành:

- Quyết định số 2524/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Trung tâm thương mại - siêu thị”.

- Giấy phép số 242/GP-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc cấp phép xả nước thải vào nguồn nước của Công ty TNHH MTV Trung tâm thương mại triển lãm và hội nghị Quốc tế - Việt Nam.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở Trung tâm thương mại - siêu thị theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chi nhánh Công ty Cổ phần bất động sản Việt Nhật tại Bến Tre;
- Chủ tịch, Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Bến Tre;
- UBND xã Sơn Đông;
- Phòng: KT, TCĐT, TH;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Minh Cảnh**

**Phụ lục I**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

**A. NỘI DUNG XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt: 103,1 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: nước thải từ khu ẩm thực: 22 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

Tổng lưu lượng xả thải là 125,1 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**

Dòng nước thải: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở sau khi được xử lý sơ bộ lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được thu gom cùng với nước thải từ khu ẩm thực được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung (XLNT) với công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, (Cột A) đúng theo quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là công chung trên đường Ngô Quyền nội dài.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Công thoát nước chung trên đường Ngô Quyền nội dài.

2.2. Vị trí xả nước thải: Sau hệ thống xử lý nước thải.

Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 1134079, Y: 566747 ( hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A
1	pH	-	5 - 9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500

5	Sunfua	mg/l	1.0
6	Amoni	mg/l	5
7	Nitrat	mg/l	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Phosphat	mg/l	6
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

#### *a. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa*

Hệ thống công thoát nước mưa xung quanh các công trình được làm bằng bê tông cốt thép (BTCT) mác 200, với đường kính D300, D400, D500 (mm) tiếp nhận nước mưa và dẫn về nước mưa ra công thoát D600 thoát nước đường Võ Nguyên Giáp.

- Kích thước:

+ Công thoát nước mưa bề mặt bao gồm kích thước như sau: đường ống D300 tổng chiều dài 573m, đường ống D400 tổng chiều dài 250m, đường ống D500 tổng chiều dài 148m.

+ Công thoát nước mưa là 2 công BTCT mác 200, đường kính 600mm, dày 50mm, chiều dài mỗi công 25m.

+ Hồ ga thu gom và thoát nước mưa BTCT: 89 hố, kích thước  $D \times R \times S = 1,2 \times 1,2 \times 1,2$  (m).

#### *b. Hệ thống thu gom nước thải*

- Hệ thống thu gom nước thải được bố trí tách biệt với hệ thống thoát nước mưa. Hệ thống thoát nước thải được xây dựng bằng vật liệu BTCT.

- Nước thải từ nhà vệ sinh sẽ được thu gom vào hầm tự hoại được bố trí bên ngoài công trình chính và ở dưới đất. Nước thải sau hầm tự hoại sẽ tự chảy về hố gas bằng ống thoát nước thải nhựa PVC DN150.

- Nước thải từ khu ẩm thực sẽ được thu gom về bể tách dầu được bố trí bên ngoài công trình chính và dưới đất. Nước thải sau bể tách dầu sẽ tự chảy về hố gas bằng ống thoát nước thải nhựa PVC, DN150.

- Số lượng bể tự hoại của hệ thống thu gom nước thải: 2 bể (25 m<sup>3</sup>/bể) và 2 bể (30 m<sup>3</sup>/bể).

- Số lượng hố ga của hệ thống thu gom nước thải: 5 hố ga, kích thước DxRxS=1,2x1,2x1,2 (m). Bên trong hố bom được bố trí 2 bơm chìm (1 chạy, 1 dự phòng).

*c. Hệ thống thoát nước thải*

- Nước thải của cơ sở sau khi được thu gom và xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150 m<sup>3</sup>/ngày theo đường ống xả, nước được chảy về hố quan trắc. Từ hố quan trắc, nước thải sẽ chảy vào nguồn tiếp nhận là cống chung trên đường Ngô Quyền nối dài

- Hệ thống đường ống xả thải bao gồm:

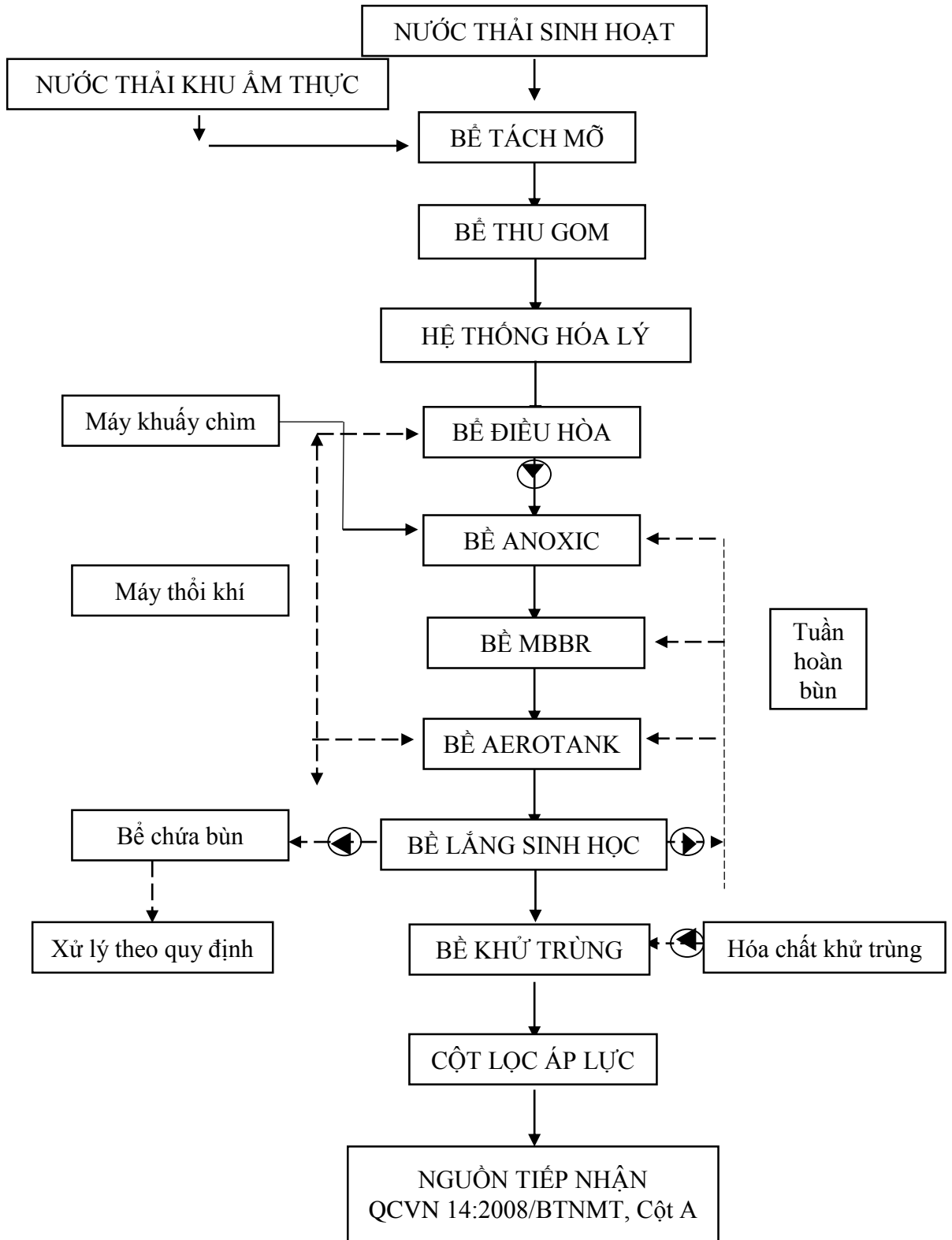
+ Ống HDPE Ø90mm: 200m

+ Ống PVC Ø200mm: 12m

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:





- Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước thải:

*Bể tách dầu mỡ:* Nước thải sinh hoạt và khu ẩm thực được bơm lên Bể tách dầu. Tại Bể tách dầu, các giọt dầu nhẹ hơn nước nổi lên trên mặt nước, phần nước trong tự chảy vào Bể thu gom. Phần dầu nổi trên mặt nước được vớt định kỳ đem đổ bỏ nơi quy định.

**Bể thu gom:** Nước thải từ bể tách dầu chảy sang bể thu gom. Đầu tiên là song chắn rác đặt trong hố thu. Song chắn rác có nhiệm vụ giữ lại và loại bỏ rác và các tạp chất vô cơ có kích thước lớn hơn 16mm (bao nilong, giấy, vải vụn, sợi). Rác tích tụ phía trước song chắn rác sẽ được vớt định kỳ bằng kẹp gấp hoặc cào thủ công, sau đó thu gom lại và xử lý như chất thải sinh hoạt.

**Hệ thống hóa lý:** Tại bể này có chức năng trung hòa pH trước khi chảy sang bể điều hòa.

**Bể điều hòa:** Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải một cách ổn định trước khi đưa vào các công trình đơn vị phía sau, đặc biệt là cụm bể sinh học giúp cho các vi sinh có thể thích nghi với nước thải trong điều kiện ổn định, tránh được tình trạng vi sinh bị sốc tải. Bên cạnh đó, bể điều hòa lưu lượng và nồng độ giúp cho các quá trình sử dụng hóa chất cũng như chế độ hoạt động của các thiết bị cơ khí như bơm, máy thổi khí được duy trì một cách ổn định. Bể điều hòa được máy thổi khí cấp khí vào hệ thống phân phối khí đặt trong bể điều hòa liên tục nhằm xáo trộn phân hủy một phần chất hữu cơ trong nước thải đồng thời tránh phân hủy kỵ khí gây mùi hôi. Nước thải sau khi điều hòa được bơm chìm bơm vào công trình xử lý sinh học đầu tiên là Bể thiếu khí.

**Bể Anoxic:** Bể Anoxic được sử dụng nhằm khử nitơ từ sự chuyển hóa nitrate thành nitơ tự do. Lượng nitrate này được tuần hoàn từ lượng bùn tuần hoàn từ bể lắng và lượng nước thải từ Bể Aerotank (đặt sau bể thiếu khí). Nước thải sau khi khử nitơ sẽ tiếp tục tự chảy vào bể hiếu khí kết hợp nitrate hóa.

**Bể MBBR:** Nước thải sau khi qua Bể Anoxic được dẫn tiếp qua Bể MBBR. Tại đây, có các giá thể động với diện tích bề mặt rất lớn do đó làm tăng nồng độ bùn trong bể. Hỗn hợp bùn nước và giá thể được xáo trộn đều bằng hệ thống phân phối khí từ máy thổi khí. Nhân tố quan trọng của quá trình xử lý này là các giá thể động có lớp màng biofilm dính bám trên bề mặt. Những giá thể này được thiết kế với bề mặt hiệu dụng lớn để lớp màng biofilm dính bám trên bề mặt của giá thể và tạo điều kiện tối ưu cho hoạt động của vi sinh vật khi những giá thể này lơ lửng trong nước. Các chất hữu cơ trong nước thải sẽ được xử lý triệt để bằng phương pháp sinh học, với vi sinh vật hiếu khí phân hủy chất hữu cơ có trong nước thải, làm nồng độ cơ chất giảm đáng kể. Trong điều kiện thổi khí liên tục, quần thể vi sinh vật hiếu khí tồn tại ở trạng thái lơ lửng (bùn hoạt tính) sẽ phân hủy các hợp chất hữu cơ có trong nước thải thành các hợp chất vô cơ đơn giản như CO<sub>2</sub> và nước.

**Bể Aerotank:** Công trình xử lý sinh học tiếp theo là Bể Aerotank kết hợp nitrate hóa. Mục đích của bể này là (1) giảm nồng độ các chất hữu cơ thông qua hoạt động của vi sinh tự dưỡng hiếu khí; (2) thực hiện quá trình nitrate hóa nhằm tạo ra lượng nitrate cho hệ thống thiếu khí phía trước thông qua nhóm vi sinh vật Nitrosomonas và Nitrobacter. Máy thổi khí AB-01/02 được vận hành liên tục nhằm cung cấp oxy cho cả hai nhóm vi sinh vật hiếu khí này hoạt động.

**Bể lắng:** Nước thải sau khi ra khỏi Bể Aerotank sẽ chảy tràn qua Bể lắng. Tại đây, xảy ra quá trình lắng tách pha và giữ lại phần bùn (vi sinh vật). Phần

bùn lắng này sẽ được bơm bùn tuần hoàn về Bể Anoxic nhằm duy trì nồng độ vi sinh vật. Phần bùn dư được bơm về Bể chứa bùn nhằm làm giảm độ ẩm của bùn thải. Phần bùn dư sẽ được hút định kỳ đổ bỏ nơi quy định, phần nước tách pha được dẫn về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

**Bể khử trùng:** Phần nước trong sau khi qua Bể lắng sẽ được dẫn qua Bể khử trùng, hóa chất khử trùng (dung dịch NaOCl 10%) được bơm hóa chất vào bể để xử lý triệt để các vi trùng gây bệnh như E.Coli, Coliform,...

**Cột lọc áp lực:** Cột lọc được thiết kế sau bể khử trùng nhằm mục đích loại bỏ chất rắn lơ lửng. Nước từ bể khử trùng bơm lên cột lọc, nước thải được lọc xuôi từ trên xuống qua các lớp cát, đá, sỏi... lọc thô nhằm loại bỏ hoàn toàn chất lơ lửng còn sót lại. Nước sau lọc đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi thải ra môi trường.

**Bảng thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống xử lý nước thải**

STT	Tên hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Kết cấu
1	Bể tách mỡ	2,4m x 2,3m x 3m Thể tích hữu dụng: 17 m <sup>3</sup>	01	Bê tông cốt thép
2	Bể thu gom	2,5m x 2,3m x 3m Thể tích hữu dụng: 10 m <sup>3</sup>	01	Bê tông cốt thép
3	Hệ thống hóa lý	2,3m x 2,1m x 3m Thể tích hữu dụng: 14,5 m <sup>3</sup>	01	Bê tông cốt thép
4	Bể điều hòa	3,5m x 7,1m x 3m Thể tích hữu dụng: 55m <sup>3</sup>	01	Bê tông cốt thép
5	Bể thiếu khí Anoxic	2m x 7,1m x 3m Thể tích hữu dụng: 30m <sup>3</sup>	01	Bê tông cốt thép
6	Bể MBBR	1,9m x 7,1m x 3m Thể tích hữu dụng: 28 m <sup>3</sup>	01	Bê tông cốt thép
7	Bể Aerotank	3,5m x 7,1m x 3m Thể tích hữu dụng: 55 m <sup>3</sup>	01	Bê tông cốt thép
8	Bể lắng	4m x 4m x 3m Thể tích hữu dụng: 48m <sup>3</sup>	01	Bê tông cốt thép
9	Bể khử trùng	2,4m x 7,1m x 3m Thể tích hữu dụng: 33 m <sup>3</sup>	01	Bê tông cốt thép
9	Cột lọc áp lực	Ø0,6m x 1,8m	01	Inox

STT	Tên hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Kết cấu
10	Bể chứa bùn	4,2m x 2,7m x 3m Thể tích hữu dụng: 27 m <sup>3</sup>	01	Bê tông cốt thép

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: 150 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Các hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải, hóa chất xử lý nước tù trong hệ thống Chiller và Colling tower (hệ thống điều hòa cung cấp nhiệt cho hoạt động của cơ sở), hóa chất sử dụng Chlorine khoảng 50 kg/tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

*a. Biện pháp phòng chống cháy nổ:*

- Lập nội quy phòng chống cháy nổ và sự cố được niêm yết tại những vị trí thích hợp trong khuôn viên cơ sở.

- Khu vực chứa nhiên liệu và các bình khí nén được đặt cách ly với các khu vực khác.

- Tại cơ sở có trang bị hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy Sprinkler, hệ thống chữa cháy họng nước vách tường, phương tiện chữa cháy khí N<sub>2</sub> cho phòng máy biến áp, máy phát điện và tủ điện.

- Tất cả các thiết bị phòng cháy chữa cháy lắp đặt nội trong nhà và ngoài trời đều được sơn màu đỏ.

- Trang bị các bình chữa cháy cầm tay và đặt ở những vị trí thích hợp dễ lấy, dễ sử dụng.

- Bố trí bình cứu hỏa cầm tay ở từng khu vực gian hàng để tiện sử dụng, các phương tiện chữa cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và đảm bảo trong tình trạng sẵn sàng.

- Hiện tại cơ sở trang bị 56 bình chữa cháy bột, 50 bình chữa cháy CO<sub>2</sub>, 14 lối thoát hiểm, 25 đèn exit và 6 bình bột 35kg toàn siêu thị.

- Ngoài ra, bãi xe tại cơ sở là nơi có nguy cơ gây cháy nổ do đó chủ cơ sở có biện pháp để ngăn ngừa cháy nổ tại bãi xe như hướng dẫn nhân viên về PCCC sắp xếp xe đúng tiêu chuẩn, trang bị các bình chữa cháy tại khu vực nhà xe.

*b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống XLNT:*

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp trục trặc và ngưng hoạt động, nước thải sẽ được giữ nguyên tại hệ thống, đảm bảo không thải trực tiếp ra môi trường. Đồng thời, tạm ngừng hoạt động, sau khi khắc phục xong sẽ vận hành trở lại.

- Ngoài ra cơ sở tận dụng 02 bể chứa nước ngầm có tổng thể tích 600m<sup>3</sup> để dự phòng khi có sự cố xảy ra.

- Những người vận hành, bảo trì các hệ thống xử lý được đào tạo các kiến thức về:

+ Hướng dẫn lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải.

+ Hướng dẫn bảo trì bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố đơn giản và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

+ Đơn vị thi công, thiết kế hướng dẫn an toàn vận hành hệ thống xử lý nước thải cho nhân viên vận hành hệ thống.

+ Trong quá trình vận hành chủ cơ sở trang bị bảo hộ lao động đầy đủ.

+ Bố trí biển cảnh báo tại hệ thống xử lý đảm bảo an toàn cho người vận hành cũng như những người xung quanh.

- Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp:

+ Lập tức báo cáo cấp trên khi có các sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.

+ Nếu đã thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên mà chưa thể khắc phục sự cố thì được phép xử lý theo hướng ưu tiên: 1- Bảo đảm an toàn về con người; 2- An toàn tài sản; 3- An toàn công việc.

*c. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, rò rỉ gas:*

- Khi mua bình gas, phải chọn những bình gas mới, còn nguyên niêm phong cổ bình, đặc biệt đối với các hãng gas như Shell, Total, Elf phải lấy gas tại các đại lý chính hãng.

- Khi thay gas, cần đề nghị nhân viên vặn chặt van an toàn của bình gas và giám sát chặt chẽ quá trình thay gas của nhân viên.

- Trong quá trình đun nấu, người sử dụng phải giám sát thường xuyên để nếu có xảy ra sự cố còn kịp thời xử lý.

- Sau khi sử dụng cần tắt hết bếp, đồng thời khóa van an toàn ngay sau khi ngừng sử dụng.

- Kiểm tra định kỳ dây dẫn gas, van an toàn, các điểm nối dây dẫn gas ở bếp và ở van an toàn.

- Có lối thông gió cho bếp.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:**

- Thời gian dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm: Tháng 10 năm 2023

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: Tháng 11 năm 2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 150m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

STT	Ngày lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Số lượng	Thông số quan trắc	Quy chuẩn so sánh
<b>I</b>	<b>Giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải (03 ngày liên tiếp)</b>				
1	3 ngày lấy mẫu liên tục	Nước thải đầu vào/Nước thải đầu ra tại HTXL nước thải	01 mẫu/ngày	pH; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (Po43-); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); BOD5; COD; Amoni; Nitrat; Sulfua; ;Dầu mỡ ĐTV; Coliform	QCVN 14:2008 /BTNMT (Cột A)

### 3. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải định kỳ theo nghị định 08/2022/NĐ/CP do lưu lượng xả thải dưới 500 m<sup>3</sup>/ngày. Tuy nhiên, cơ sở vẫn thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ tại hố ga quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý.

### 4. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc chất thải tự động, liên tục.

### 5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

5.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

5.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Phân công nhân viên vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế, vận hành, có sổ nhật ký vận hành./.

**Phụ lục II**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ**  
**CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng  
năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 1: Hoạt động của quạt hút.
- Nguồn số 2: Máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 3: Hoạt động giao thông trong khuôn viên.

**2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:**

2.1. Tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung: QCVN 27:2010/BTMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

TT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

Để giảm thiểu đến mức thấp nhất những tác động do tiếng ồn gây ra, để hạn chế phát sinh tiếng ồn tại các khu vực như: khu mua sắm, vui chơi giải trí, nhà máy phát điện dự phòng, quạt hút... chủ cơ sở có các biện pháp như:

- Cơ sở thiết kế tách riêng khu vui chơi với các khu vực mua sắm.
- Thiết kế xây dựng vách tường giảm ồn tại khu vực vui chơi, giải trí.
- Cửa ra vào chính của khu vui chơi, giải trí được lắp đặt là cửa kính nhằm giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng đến các khu vực mua sắm khác.
- + Hạn chế tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ra vào khu vực chủ yếu tập trung vào giờ cao điểm như:
  - Đặt các biển báo quy định tốc độ lưu thông trong khu vực, xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ không quá 10 km/h, không bóp còi trong khu vực cơ sở.
  - Tắt máy các phương tiện giao thông vận tải trong thời gian chờ nhập và chờ hàng.
  - Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.
- + Hạn chế tiếng ồn từ hoạt động máy phát điện, quạt hút như:
  - Bố trí phòng đặt máy phát điện trong phòng cách âm.
  - Định kỳ bảo dưỡng máy móc.
  - Thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đặt đệm chống ồn ngay khi lắp đặt máy móc, thiết bị.

Ngoài ra, trong khuôn viên của cơ sở được trồng cây xanh với diện tích là 2.811,98 m<sup>2</sup>, chiếm 8,05 % tổng diện tích của cơ sở.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.



**Phụ lục III**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ**  
**SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng  
năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Trạng thái	Khối lượng trung bình ( kg/tháng)
1	Dầu nhớt thải	Lỏng	03
2	Chất hấp thụ, giẻ lau nhiễm chất thải nguy hại	Rắn	02
3	Pin thải	Rắn	0,5
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	1
5	Hộp mực in thải	Rắn	2
6	Bao bì thải (chứa hóa chất tẩy rửa)	Rắn	3
7	Rác thải y tế (bông gòn, kim tiêm, bơm tiêm, lọ vacxin)	Rắn	200
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>211,5</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Đối tượng	Số lượng	Hệ số phát thải (kg/người/ngày)	Khối lượng (kg/ngày)	Quy chuẩn áp dụng
1	Rác thải từ khu ẩm thực	6 cửa hàng ẩm thực và 1 khu ăn uống trong siêu thị	10kg/cửa hàng	70	Theo thực tế
2	Vỏ bao bì hàng hóa			100	
3	Bùn thải			29	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Đối tượng	Số lượng	Hệ số phát thải (kg/người/ngày)	Khối lượng (kg/ngày)	Quy chuẩn áp dụng
1	Nhân viên trung tâm thương mại	150	0,9	135	Theo thực tế
2	Khách vãng lai	1.100	0,2	220	
3	Nhân viên y tế	20	0,9	18	
4	Khách tiêm ngừa	100	0,2	20	

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom sau đó lưu trữ tại kho chứa riêng biệt. Cơ sở bố trí kho lưu trữ chất thải nguy hại có diện tích 5,9 m<sup>2</sup>, chiều cao 4 m, nền xoa Hannerder 3kg/m<sup>2</sup>, kho chứa có mái che, mái tôn dày 0,45 mm, tường gạch xi măng bao quanh và có gắn biển cảnh báo. Trong kho chứa trang bị 07 thùng chuyên dụng loại 240L để lưu chứa toàn bộ lượng chất thải nguy hại.

- Ghi mã số từng loại chất thải.

- Công ty đã hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng để thu gom và xử lý định kỳ theo quy định (Hợp đồng với công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TP Hồ Chí Minh).

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

#### a. Rác công nghiệp thông thường

Cơ sở có phòng lưu trữ chất thải rắn thông thường diện tích 10 m<sup>2</sup>, chiều cao công trình là 4m, nền xoa Hannerder 3kg/m<sup>2</sup>, tường xây gạch sơn nước, có bố trí cửa đi và cửa sổ thông gió, mái tôn dày 0,45mm.

*b. Bùn thải:* Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải tập trung này được lưu chứa trong bể lắng cát và bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải và định kỳ khoảng 6 tháng/lần chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút đem đi xử lý.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Rác thải phát sinh từ các khu vực như: khu văn phòng, nhà vệ sinh, khu mua sắm, khu ẩm thực và khu vui chơi giải trí,... được cơ sở bố trí các thùng rác nhỏ để thu gom (thùng rác 120 lít). Sau mỗi ca làm việc có nhân viên vệ sinh thu

gom về khu tập kết trong khu vực cơ sở, tại đây rác được phân loại tại nguồn, loại không có khả năng phân hủy sinh học như: vỏ đồ hộp, vỏ lon, bao bì, chai nhựa, thủy tinh,... được thu gom vào kho chứa phế liệu định kỳ bán phế liệu, loại rác có hàm lượng hữu cơ cao dễ phân hủy ảnh hưởng lớn đến môi trường cũng như mỹ quan khu vực (như: thức ăn thừa, vỏ trái cây, rau quả, giấy,...) được chủ cơ sở thuê đơn vị tại địa phương (hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Thành Tài) thu gom và vận chuyển xử lý.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Xây dựng quy trình vận hành, quản lý hệ thống công trình xử lý nước thải; vận hành thiết bị đúng quy trình, thao tác và định lượng các hóa chất sử dụng theo khuyến nghị và hướng dẫn của đơn vị chuyển giao công nghệ.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.